

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số:04/2024/DS-ST

Ngày: 31-01-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Dũng

Ông Chau Khon Sốc

Thư ký phiên tòa: Bà Cù Thị Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trâm Ngọc Minh Thư - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 202/2023/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐXX-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Quý tín dụng nhân dân T3; địa chỉ: I, đường T, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; chức vụ: Phó Giám đốc Quý tín dụng nhân dân T3; địa chỉ: Tổ A, khóm C, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 25/7/2023)

2. Bị đơn: Ông Phạm Thành T, sinh năm 1973; địa chỉ thường trú: T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: Trường tiểu học T4, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn C** trình bày:

Ngày 03-10-2017 ông **Phạm Thành T** có ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn số 1303/2017/HĐTD và phụ lục hợp đồng với **Quỹ tín dụng nhân dân T3** để vay số tiền 50.000.000 đồng, hình vay tín chấp, mục đích vay sửa chữa nhà ở, lãi suất 1,15%/tháng, lãi quá hạn 150%/tháng lãi suất trong hạn, thời gian vay 04 năm (từ ngày 03-10-2017 đến ngày 04-10-2021, phương thức thanh toán trả gốc lãi hàng tháng được chia đều, mỗi tháng trả gốc 1.042.000 đồng, trả lãi 375.000 đồng. Quá trình vay ông **T** đã trả lãi, gốc đều đặn cho Quỹ tín dụng theo hợp đồng đã ký kết, lần trả sau cùng là ngày 15-3-2021 thì ông **T** ngưng trả. Tổng cộng ông **T** đã trả được tiền vay 42.722.000 đồng, lãi 15.375.000 đồng. Từ tháng 4-2021 đến nay ông **T** không thực hiện việc trả gốc và lãi như thỏa thuận trong hợp đồng, tính đến thời điểm hiện nay ông **T** còn nợ lại của **Quỹ tín dụng nhân dân T3** số tiền vay 7.278.000 đồng, lãi 5.991.000 đồng (tạm tính đến ngày 14-12-2023). Nay **Quỹ tín dụng nhân dân T3** yêu cầu ông **Phạm Thành T** trả số tiền vay 7.278.000 đồng, lãi 5.991.000 đồng (tạm tính đến ngày 14-12-2023) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn theo biên bản ghi lời khai ông **Phạm Thành T** thừa nhận vào ngày 03-10-2017 ông có ký kết hợp đồng tín dụng trung hạn số 1303/2017/HĐTD, ngày 03-10-2017 với Quỹ tín dụng nhân dân **Tri T1** để vay số tiền 50.000.000 đồng, hình thức vay tín chấp, lãi suất 1,15%/tháng, lãi quá hạn 150%/ tháng lãi suất trong hạn, thời hạn vay 04 năm (từ ngày 03-10-2017 đến 04-10-2021), phương thức thanh toán trả lãi gốc hàng tháng được chia đều: mỗi tháng trả tiền vay 1.042.000 đồng, lãi 375.000 đồng. Tổng cộng mỗi tháng ông trả vốn, lãi 1.417.000 đồng. Quá trình vay ông đã trả đầy đủ cho Quỹ tín dụng, hàng tháng ông nhận lương từ thủ quỹ của trường tên **Lê Văn S**, sau đó gửi lại số tiền phải trả hàng tháng là 1.417.000 đồng cho thủ quỹ, để thủ quỹ đi nộp cho Quỹ tín dụng, ông đã trả đầy đủ 48 tháng cho **Q** tín dụng nhân dân Tri Tôn. Ông xác định thời gian bắt đầu trả cho **Q** tín dụng là ngày 10-3-2017 ông trả đầy đủ đến ngày 10-3-2021 thì ngưng, đến nay ông đã trả đầy đủ, việc trả gốc, lãi hàng tháng do thủ quỹ của **Trường tiểu học T4** tên **Lê Văn S** trực tiếp đem nộp cho Quỹ tín dụng. Trường hợp kể từ ngày 10-3-2021 đến nay ông đã ngưng trả, nhưng kể từ đó đến nay Quỹ tín dụng không nhắc nhở gì về việc này, nay lại khởi kiện, ông không đồng ý. Với yêu cầu của Quỹ tín dụng yêu cầu ông trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn tiền vay 7.278.000 đồng, lãi 5.991.000 đồng (tạm tính đến ngày 14-12-2023) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, ông không đồng ý, vì ông đã trả hết nợ vay, lãi theo hợp đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn.

Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa các đương sự nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày do hoàn cảnh ông **T** khó khăn yêu cầu ông **Phạm Thành T** trả số tiền vay 7.278.000 đồng, chỉ yêu cầu tiền lãi 2.625.000 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông **Phạm Thành T** đồng ý trả tiền tiền vay 7.278.000 đồng, lãi 2.625.000 đồng xin trả dần trong 6 tháng, thời gian trả bắt đầu từ ngày 15-3-2024.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại phiên tòa về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn, bị đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 1303/2017/HĐTD ngày 03-10-2017 giữa **Quỹ tín dụng nhân dân T3** với ông **T** và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng xác định ông **T** có vay của **Quỹ tín dụng nhân dân T3** số tiền 50.000.000 đồng, hình thức vay tín chấp, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 1,15%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay sửa chữa nhà ở, hình thức trả lãi mỗi tháng. Theo đó, **Quỹ tín dụng** đã giải ngân và ông **T** đã nhận số tiền vay 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi vay, ông **T** chỉ thanh toán cho **Quỹ tín dụng nhân dân T3** đến tháng 3-2021. Bắt đầu từ kỳ thanh toán vào tháng 4-2021 thì ngưng, ông **T** đã thanh toán được nợ vay 42.722.000 đồng và lãi 15.375.000 đồng, còn nợ lại **Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn** số tiền vay 7.278.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 14-12-2023 là 5.991.000 đồng, tổng 12.576.000 đồng. Nhận thấy, **Q** tín dụng nhân dân **Tri T1** đã thực hiện đúng nghĩa vụ giải ngân và giao tiền cho ông **T**.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn chỉ yêu cầu phía bị đơn trả tiền vay 7.278.000 đồng và giảm phần lãi suất, chỉ yêu cầu số tiền 2.625.000 đồng (tổng số tiền phải trả là 9.903.000 đồng), không yêu cầu tính lãi suất phát sinh, với điều kiện ông **T** phải làm đơn xin giảm lãi suất, yêu cầu này phía bị đơn đồng ý. Qua đó, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thỏa thuận thời hạn trả nợ của bị đơn là 06 tháng, mỗi tháng 1.650.000 đồng, bắt đầu kỳ trả nợ đầu tiên ngày 15-3-2024.

Nhận thấy, sự thỏa thuận trên của các đương sự là sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện **Quỹ tín dụng nhân dân T3** và ông **T**, buộc ông **T** phải trả cho **Q** tín dụng nhân dân **Tri Tôn** số tiền tiền vay 7.278.000 đồng và giảm phần lãi suất, chỉ yêu cầu số tiền 2.625.000 đồng (tổng số tiền phải trả 9.903.000 đồng), không yêu

cầu tính lãi suất phát sinh, bị đơn trả dần trong vòng 6 tháng, mỗi tháng 1.650.500 đồng, với điều kiện ông **T** phải làm đơn xin giảm lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nội dung mà các bên đương sự tranh chấp liên quan đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng vay tài sản là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và do bị đơn ông **Phạm Thành T** đang công tác tại **Trường tiểu học xã T4**, hình thức vay của ông **T2** là tín chấp có bảo lãnh từ phía nhà trường do vậy căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thời hiệu: Ông **T** đã ký kết hợp đồng tín dụng của với **Quỹ tín dụng nhân dân T3** ngày 03-10-2017, ông **T** cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả vốn, và trả lãi theo hợp đồng. Tuy nhiên, do vi phạm thời gian thanh toán theo hợp đồng, nên **Quỹ tín dụng nhân dân T3** khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Hợp đồng tín dụng giữa các bên có lập thành văn bản, trên nguyên tắc tự nguyện thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, nên được xem là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1303/2017/HĐTD, ngày 03-10-2017, ông **T** cũng đã thực hiện được đến ngày 15-3-2021 và ông **T** cũng đã trả được tiền vay 42.722.000 đồng, lãi 15.375.000 đồng. Theo nội dung của Hợp đồng tín dụng thì thời hạn vay là 4 năm, tính đến thời điểm khởi kiện hợp đồng tín dụng đã hết thời hạn vào ngày 03-10-2017, theo hợp đồng ký kết hình thức thanh toán của ông **T** đối với **Quỹ tín dụng nhân dân T3** là trả gốc, lãi hàng tháng, vì vậy **Quỹ tín dụng nhân dân T3** khởi kiện là phù hợp với điều khoản chung quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết là phù hợp.

Quá trình tố tụng ông **T** thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng để vay số tiền 50.000.000 đồng của **Quỹ tín dụng nhân dân T3**, nhưng thời điểm ông vay là ngày 10-3-2017 chứ không phải ngày 03-10-2017 và ông đã trả đủ số tiền vốn lãi theo hợp đồng, bên cạnh đó ông **T** còn nại rằng trường hợp nếu ông còn nợ lẽ ra Quỹ tín dụng phải thông báo cho ông về trường hợp ông còn nợ, nhưng ngày 15-3-2021 đến nay, ông không nhận được thông báo gì từ **Quỹ tín dụng nhân dân T3** về khoản nợ quá hạn.

Sự thỏa thuận giữa các bên việc thực hiện hợp đồng tín dụng như sau: Hợp đồng tín dụng số 1303/2017/HĐTD, ngày 03-10-2017 được ký kết giữa **Quỹ tín dụng nhân dân T3** và ông **Phạm Thành T**, quá trình thực hiện hợp đồng từ ngày 03-10-2017 đến ngày 15-3-2021 ông **T** đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, **Quỹ tín dụng** cho rằng ông **T** còn nợ lại **Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn 7** tháng chưa trả vốn, lãi, nhưng ông **T** lại cho rằng ông đã trả đầy đủ từ ngày 10-3-2017 đến ngày 15-3-2021 đã đủ thời gian 48 tháng theo hợp đồng. Quá trình tố tụng Tòa án đã yêu cầu ông **T** cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng ông **T** không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho ý kiến của ông.

Bên cạnh đó theo lời khai của ông **Nguyễn Văn S1** – người làm chứng xác định ông là thủ quỹ của **trường tiểu học xã T4** với số tiền ông **T** vay tại **Quỹ tín dụng nhân dân T3** bao nhiêu ông không biết, nhưng hàng tháng **Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn** có gửi danh sách tiền vốn, lãi phải nộp của những cá nhân vay qua mail của trường trong đó có ông **T**, ngoài những cá nhân vay ông **T2** có gửi tiền vốn, lãi cho ông để ông nộp cho **Quỹ tín dụng nhân dân T3**, sau khi nộp **Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn** có phiếu thu và có thông báo lại cho biết ông **T** biết là đã nộp đầy đủ, có thời gian ông có nghe **Quỹ tín dụng nhân dân T3** thông báo cho ông về trường hợp ông **T** còn nợ tiền vốn, lãi và ông đã thông báo lại cho ông **T**.

Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình tố tụng ông **T** không chứng minh được khoản tiền vay gồm vốn, lãi mà ông đã trả đầy đủ cho **Quỹ tín dụng nhân dân T3** trong thời gian là 48 tháng, ngoài lời khai ông không có chứng cứ gì để chứng minh. Về thời gian vay theo hợp đồng tín dụng mà **Quỹ tín dụng** đã cung cấp thì thời gian ký hợp đồng giữa ông **T** và **Quỹ tín dụng nhân dân T3** là ngày 03-10-2017 chứ không phải ngày 10-3-2017 như ông **T** trình bày. Căn cứ vào thời gian ký kết hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ, giấy bảo lãnh tiền vay, tờ cam kết trả nợ tiền vay tất cả các loại giấy tờ trên đều đề ngày 03-10-2017 và ông **T** thừa nhận các chữ ký trên các loại giấy tờ tài liệu mà **Quỹ tín dụng nhân dân T3** đã cung cấp là chữ ký của ông và ông **T** thừa nhận trả nợ ngày cuối cùng là ngày 15-3-2021, đến ngày 15-4-2021 thì ông **T** ngưng trả cho đến nay. Như vậy ông **T** còn nợ lại **Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn** là 7 tháng như yêu cầu khởi kiện của **Quỹ tín dụng nhân dân T3**. Từ đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận quá trình vay ông **T** đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn, lãi như thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên **Quỹ tín dụng nhân dân T3** khởi kiện yêu cầu ông **Phạm Thành T** trả số tiền vay 7.278.000 đồng là phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Do ông T không thanh toán đúng hạn và đầy đủ cho Quỹ tín dụng nhân dân T3 nên theo thỏa thuận giữa các bên tại mục 3.1 của hợp đồng thì toàn bộ số dư nợ ông T chuyển sang quá hạn vào ngày 23-11-2023, đồng thời ông T còn phải chịu lãi đối với số tiền lãi chậm trả theo bảng kê tính lãi tính đến ngày 31-01-2024 do Quỹ tín dụng cung cấp mức lãi ông T phải trả là 6.192.000 đồng là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa, Quỹ tín dụng nhân dân T3 đồng ý giảm tiền lãi cho ông T chỉ yêu cầu ông T trả số tiền lãi 2.625.000 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, với điều kiện ông T phải làm đơn xin giảm lãi gửi cho Quỹ tín dụng nhân dân T3.

Tại phiên tòa, ông T đồng ý trả số tiền vay 7.278.000 đồng, tiền lãi 2.625.000 đồng. Tổng cộng 9.903.000 đồng xin được trả dần trong thời gian 6 tháng (thời gian bắt đầu thực hiện ngày 15-3-2024) cho đến khi dứt nợ. Người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng nhân dân Tri T1 đồng ý cho ông T trả dần số tiền 9.903.000 đồng trong thời gian 6 tháng như đề nghị của ông T. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận. Ông T có trách nhiệm trả cho Q tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền 9.903.000 đồng trong thời gian 6 tháng, mỗi tháng trả 1.650.500 đồng.

[5] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T3 được chấp nhận nên Quỹ tín dụng nhân dân T3 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông T phải chịu 5% án phí đối với số tiền mà Quỹ tín dụng yêu cầu được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T3 đối với ông Phạm Thành T.

Công nhận sự tự thỏa thuận giữa **Quỹ tín dụng nhân dân T3** (do ông **Nguyễn Văn C** đại diện theo ủy quyền) và ông **Phạm Thành T**. Ông **Phạm Thành T** có trách nhiệm trả cho **Q** tín dụng số tiền 9.903.000 đồng (chín triệu chín trăm lẻ ba ngàn đồng), trong đó: Vốn vay 7.278.000; lãi 2.625.000.

Phương thức thanh toán cụ thể như sau: Vào ngày 15 hàng tháng ông **Phạm Thành T** có trách nhiệm trả cho **Q** tín dụng nhân dân Tri Tôn số tiền 1.650.500 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng). Thời gian thực hiện bắt đầu từ ngày 15-3-2024 cho đến khi dứt nợ.

- Về án phí: Ông **Phạm Thành T** phải chịu 495.000 đồng (bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí DSST.

Quỹ tín dụng nhân dân Tri Tôn được nhận lại 314.000 đồng (ba trăm mười bốn ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà **Quỹ tín dụng nhân dân T3** đã nộp theo biên lai thu số 0010243 ngày 06-10-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi Cục THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan